TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - CÔNG NGHỆ TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

DANH SÁCH ĐIỂM DANH

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Môn Học/Nhóm **Giáo dục thể chất 2 (MHC358) - Nhóm 01** Số Tín Chỉ: 1

CBGD **Lê Kim Ngân (N001)**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	1621050001	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	19/02/97	C13TDH1															
2	1721012285	HUỲNH TUẤN	CẢNH	14/06/97	C13CTT1															
3	1721012418	BÙI HẢI	NAM	25/07/99	C13TDH1															
4	1721012439	ĐÀO THẾ	KHANG	20/12/99	C13TDH1															
5	1721012441	TRƯƠNG QUỐC	HƯNG	25/05/99	C13TDH1															
6	1721012454	NGUYỄN THỊ MỸ	KIM	10/10/99	C13TDH1															
7	1721012559	NGÔ THỊ QUỲNH	NHI	06/06/99	C13TDH1															
8	1721012694	LÊ THỪA QUỐC	DŨNG	15/11/96	C13TDH1															
9	1721012707	BẠCH NHÃ	TRIẾT	24/10/97	C13CTT1															
10	1721012740	ĐOÀN PHƯƠNG	NAM	15/10/99	C13CTT1															
11	1721012741	NGUYỄN TRUNG	HƯNG	15/12/99	C13TDH1															
12	1721022309	NGUYỄN THÀNH	NAM	17/02/96	C13TDH1															
13	1721023250	TÔ QUANG	MINH	18/05/99	C13TDH1															
14	1721023270	NGUYỄN THÀNH	TÀI	23/10/99	C13TDH1															
15	1721023609	NGUYỄN PHÚC	QUI	06/12/99	C13TDH1															
16	1721023855	ĐỖ MINH	TRUNG	01/11/99	C13CTT1															
17	1721023896	BÙI ANH	QUỲNH	09/09/99	C13TDH1															
18	1721024205	DƯƠNG QUÍ	NGỌC	01/08/99	C13TDH1															
19	1721024359	NGUYỄN BẢO	DUY	21/02/99	C13DDT1															
20	1721024401	HUỲNH KIM TRUNG	HẬU	18/08/98	C13TDH1															
21	1721024871	TRƯƠNG THỊ	HUYỀN	02/06/99	C13TDH1															
22	1721024948	NGUYỄN LÂM SƠN	HOÀNG	09/02/98	C13TDH1															
23	1721052373	NGUYỄN VĂN	NAM	17/03/99	C13CCK1															
24	1721052476	NGUYỄN ĐỨC	HẢO	16/03/99	C13DDT1															
25	1721052508	NGUYỄN THẾ	HỌC	29/04/99	C13CTT1															
26	1721052599	TRẦN THỊ	ANH	12/06/99	C13TDH1															
27	1721052626	PHẠM THỊ	THẢO	30/08/96	C13TDH1															
28	1721052642	DƯƠNG NGÔ THIÊN	PHÚC	17/11/99	C13TDH1															
29	1721052680	NGUYỄN QUANG	KHẢI	08/07/99	C13CTT1															

In Ngày 14/12/2017

TP. HCM, Ngày 14 tháng 12 năm 2017

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - CÔNG NGHỆ TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

DANH SÁCH ĐIỂM DANH

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Môn Học/Nhóm **Giáo dục thể chất 2 (MHC358) - Nhóm 02** Số Tín Chỉ: 1

CBGD **Lê Kim Ngân (N001)**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	1721012384	PHẠM HOÀNG THIÊN	MINH	29/10/94	C13CTT1															
2	1721012498	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	NGÂN	22/07/97	C13CCK1															
3	1721012569	LÊ VĂN	SƠN	26/10/99	C13DDT1															
4	1721012609	PHẠM MINH	ĐỨC	27/06/99	C13COT2															
5	1721012698	NGUYỄN ĐỨC	DUY	24/02/98	C13CCK1															
6	1721022457	PHẠM MINH	TÚ	02/10/99	C13CTP1															
7	1721023053	VÕ MINH	MẪN	14/08/98	C13DDT1															
8	1721023466	TRẦN THANH	SƠN	11/03/99	C13CTT1															
9	1721023642	GIANG TIỀN	PHONG	24/10/99	C13CTT1															
10	1721023671	TRẦN TẤN PHƯƠNG	NAM	10/02/98	C13CCK1															
11	1721023684	LÂM VĂN	QUỐC	26/07/99	C13CTP1															
12	1721023813	HUỲNH NGỌC	MỸ	30/01/99	C13CCK1															
13	1721024297	NGUYỄN ĐỨC	HƯNG	12/04/99	C13CCK1															
14	1721024786	VŨ THỊ QUỲNH	TRANG	19/09/99	C13CTT1															
15	1721024893	THÂN VĂN	TUẤN	08/10/98	C13DDT1															
16	1721052371	NGUYỄN MINH	HIẾU	27/01/98	C13DDT1															
17	1721052380	NGUYỄN THÀNH	ĐOÀN	08/04/99	C13DDT1															
18	1721052413	LÊ BÌNH	THẠNH	10/10/98	C13COT1															
19	1721052460	VŨ ANH	TUẤN	24/12/97	C13DDT1															
20	1721052594	TRẦN BẢO	BÌNH	22/10/99	C13CTT1															
21	1721052691	PHẠM VĂN	TUẤN	20/05/99	C13CTT1															
22	1721052703	NGUYỄN THANH	TUẤN	20/02/96	C13CTP1															
23	1721052739	TRỊNH XUÂN	HÙNG	08/04/99	C13CCK1															

In Ngày 14/12/2017

TP. HCM, Ngày 14 tháng 12 năm 2017

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - CÔNG NGHỆ TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

DANH SÁCH ĐIỂM DANH

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Môn Học/Nhóm **Giáo dục thể chất 2 (MHC358) - Nhóm 03** Số Tín Chỉ: 1

CBGD **Nguyễn Văn Tám (T050)**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	1721012410	ĐẶNG THỊ TRÚC	LY	31/05/99	C13KS1															
2	1721012451	BÙI THỊ KIM	NGÂN	19/08/99	C13NA1															
3	1721012503	TRÀ THỊ CẨM	TÚ	21/11/99	C13NA1															
4	1721012504	LÊ THỊ THANH	THÚY	06/08/99	C13NA1															
5	1721012535	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	23/10/98	C13CTP1															
6	1721012712	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	20/02/99	C13KS1															
7	1721012717	LÊ THỊ NGỌC	TRINH	24/06/99	C13CTP1															
8	1721012726	ĐẬU THỊ THANH	HƯƠNG	10/06/98	C13CB1															
9	1721012733	TRẦN THỊ	LINH	04/10/99	C13TA1															
10	1721012747	NGUYỄN CHÍ	LINH	22/08/99	C13CTP1															
11	1721022339	TRẦN MINH	TẤN	28/04/98	C13QQ1															
12	1721022440	NGUYỄN THÀNH	BẢO	24/07/99	C13CB1															
13	1721022483	NGÔ THỊ	CHI	22/06/99	C13MK1															
14	1721022502	PHAN MINH	TRÍ	04/01/99	C13KS1															
15	1721022546	NGUYỄN THỊ KIM	NHIỂN	17/11/99	C13MK1															
16	1721022547	PHAN THỊ Y	PHỤNG	15/03/99	C13MK1															
17	1721022608	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	20/02/99	C13KS1															
18	1721022707	LÊ THỊ KIM	NGỌC	25/11/99	C13KS1															
19	1721023088	TRẦN PHONG	PHÚ	07/05/99	C13KS1															
20	1721023433	TRẦN THỊ THU	HỒNG	29/08/99	C13KS1															
21	1721023436	PHAN THỊ KIM	PHỤNG	04/11/99	C13NA1															
22	1721023506	LÊ THỊ HỒNG	THẮM	28/11/98	C13NA1															
23	1721023612	TRẦN VĂN	ĐỨC	23/02/98	C13KS1															
24	1721023782	LẠI NGUYỄN MINH	PHƯỚC	23/03/99	C13NA1															
25	1721023837	TRẦN THỊ TÚ	MY	02/08/99	C13TM1															
26	1721023988	MAI TÚ	PHƯƠNG	24/08/99	C13NA1															
27	1721024319	KHƯƠNG KIM	NGÂN	28/11/99	C13MK1															
28	1721024471	TRẦN KHÁNH	Ý	20/04/99	C13TM1															
29	1721024481	NGUYỄN THỊ MỸ	HIẾU	31/01/99	C13KS1															
30	1721024530	PHẠM THỊ	TRINH	19/08/99	C13NA1															
31	1721024531	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	05/08/99	C13TA1															
32	1721024549	HỒ TRẦN THANH	NGÂN	01/02/99	C13KS1															
33	1721024688	TRẦN THỊ THU	HÀ	24/01/99	C13TM1															
34	1721024780	NGUYỄN THỊ	HUỆ	05/01/99	C13NA1															
35	1721024781	NGUYỄN THỊ MI	NI	15/02/99	C13KS1															
36	1721024820	NGUYỄN HƯNG	QUÝ	30/03/99	C13CB1															

DANH SÁCH ĐIỂM DANH

Môn Học/Nhóm **Giáo dục thể chất 2 (MHC358) - Nhóm 03** Số Tín Chỉ: 1
CBGD **Nguyễn Văn Tám (T050)**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
37	1721024830	TRẦN HỒ YẾN	MY	28/08/99	C13CTP1															
38	1721024841	TRẦN LÊ HOÀNG	OANH	06/11/99	C13QQ1															
39	1721024899	ĐINH THỊ KIM	CHI	06/02/99	C13QQ1															
40	1721025011	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	07/05/99	C13NA1															
41	1721025018	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÀU	11/03/99	C13TM1															
42	1721025028	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	21/01/99	C13NA1															
43	1721025040	TRẦN THANH	NHU	09/05/99	C13TA1															
44	1721052374	VÕ THỊ HOÀNG	TRANG	18/06/99	C13MK1															
45	1721052376	LƯU KIM	HIỀN	15/08/98	C13LH1															
46	1721052427	NGUYỄN THỊ	ĐIỆP	02/02/99	C13NA1															
47	1721052433	LÊ THIỆN PHƯƠNG	DUNG	26/10/99	C13KS1															
48	1721052468	ĐẶNG THANH	TÚ	03/03/98	C13NA1															
49	1721052500	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	25/10/99	C13CTP1															
50	1721052518	PHẠM THỊ THÁI	SANG	27/08/99	C13TM1															
51	1721052548	NGUYỄN LÊ Y	ĐỨC	07/03/99	C13LH1															
52	1721052554	VÕ THỊ	HIỀN	04/08/99	C13NA1															
53	1721052668	ĐỖ THỊ THANH	HUYỀN	20/12/99	C13TA1															
54	1721052681	NGUYỄN HUỲNH TUYẾT	NHI	19/09/99	C13NA1															

In Ngày 14/12/2017 *TP. HCM, Ngày 14 tháng 12 năm 2017*

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - CÔNG NGHỆ TP.HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

MẪU IN D1050

DANH SÁCH ĐIỂM DANH

Học Kỳ 2 - Năm Học 17-18

Môn Học/Nhóm **Giáo dục thể chất 2 (MHC358) - Nhóm 04** Số Tín Chỉ: 1

CBGD **Nguyễn Văn Tám (T050)**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
1	1621050159	NGUYỄN THỊ HUYỀN	LINH	17/06/98	C13KT2															
2	1721012294	HOÀNG TRẦN HUỆ	LÂM	03/07/98	C13KT1															
3	1721012300	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀN	12/08/98	C13KT1															
4	1721012353	NGUYỄN THỊ VI	SAM	20/05/98	C13VP1															
5	1721012494	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	10/02/99	C13VP1															
6	1721012571	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	31/07/99	C13KT1															
7	1721012596	NGUYỄN VĂN NHỰT	TÚ	18/06/99	C13QQ1															
8	1721012597	NGUYỄN THIỆN	TOÀN	05/09/99	C13QQ1															
9	1721012606	ĐẶNG VĂN	TÌNH	26/08/99	C13VP1															
10	1721012650	NGUYỄN NGỌC	NỮ	21/10/99	C13VP1															
11	1721012660	ĐINH MINH	THIỆN	11/03/98	C13VP1															
12	1721012662	NGUYỄN HỮU	HỒNG	03/03/99	C13VP1															
13	1721012700	NGÔ THỊ ANH	THY	07/01/99	C13VP1															
14	1721012716	PHẠM THỊ	HƯỜNG	05/08/99	C13KT2															
15	1721012727	NGUYỄN THỊ	ĐÀO	10/06/99	C13KT2															
16	1721012748	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	15/07/99	C13VP1															
17	1721012785	PHAN THỊ	LOAN	09/08/99	C13KT2															
18	1721012786	LÊ THỊ HỒNG	THẮM	25/10/97	C13KT2															
19	1721022882	LÊ THỊ CẨM	VÂN	28/01/99	C13KT1															
20	1721022929	ĐOÀN THỊ NGỌC	TRÂN	11/08/99	C13KT1															
21	1721022971	VŨ THỊ NGỌC	ÁNH	24/05/99	C13KT1															
22	1721022972	NGUYỄN HỒNG	LOAN	04/04/98	C13KT1															
23	1721023001	HUỲNH THỊ	DIỄM	28/12/99	C13KT1															
24	1721023027	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	17/08/97	C13NL1															
25	1721023064	PHẠM THANH	TRÚC	07/09/99	C13KT1															
26	1721023298	NGUYỄN THỊ MỘNG	TUYỀN	19/03/99	C13KT1															
27	1721023583	TÔ HUỲNH	NGHI	15/09/99	C13KT1															
28	1721023681	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	15/08/99	C13KT1															
29	1721023811	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	01/04/98	C13KT1															
30	1721023956	PHAN MINH	TÂM	18/12/97	C13TM1															
31	1721023969	CAO THỊ NGỌC	HÂN	09/01/99	C13KT1															
32	1721024010	LÊ HOÀNG	LONG	26/08/98	C13NA1															
33	1721024142	NGUYỄN THỊ	LOAN	11/05/99	C13KT2															
34	1721024251	ĐOÀN PHƯƠNG	THẢO	11/10/97	C13KT1															
35	1721024304	NGUYỄN XUÂN	PHÔNG	14/04/99	C13TM1															
36	1721024346	BÙI THỊ KIM	THANH	16/07/99	C13VP1															

DANH SÁCH ĐIỂM DANH

Môn Học/Nhóm **Giáo dục thể chất 2 (MHC358) - Nhóm 04** Số Tín Chỉ: 1
CBGD **Nguyễn Văn Tám (T050)**

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Tên lớp	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15
37	1721024532	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	28/06/98	C13VP1															
38	1721024739	VÕ NGỌC	AN	23/11/99	C13TM1															
39	1721024791	PHẠM MỸ	TUYỀN	17/01/99	C13VP1															
40	1721024836	LÊ THỊ HOÀNG	THẢO	13/11/99	C13VP1															
41	1721025064	BÙI THỊ	Ý	14/11/99	C13KT2															
42	1721052415	LÊ THỊ KIM	CHI	07/08/99	C13VP1															
43	1721052445	HUỲNH THANH	PHONG	10/01/99	C13QQ1															
44	1721052449	LÊ QUỲNH MỸ	DUYÊN	05/11/99	C13KT1															
45	1721052496	NGUYỄN THỊ MỘNG	TIỀN	08/02/99	C13KT1															
46	1721052561	LƯƠNG KHẮC	DUY	20/07/99	C13HDS1															
47	1721052565	NGUYỄN QUỐC	VŨ	15/08/99	C13QQ1															
48	1721052597	PHAN THỊ LỆ	XUÂN	02/07/99	C13KT2															
49	1721052613	NGUYỄN THỊ HÒA	HẢO	02/03/98	C13KT2															
50	1721052675	VÕ THỊ YẾN	NHI	24/03/94	C13KT2															
51	1721052735	NGUYỄN DŨNG	KHÁNH	02/12/94	C13KT2															

In Ngày 14/12/2017

TP. HCM, Ngày 14 tháng 12 năm 2017